

Số: /TB-TQT

Hà Nội, ngày tháng năm 2023

**THÔNG BÁO TUYỂN SINH ĐỢT 2 NĂM 2023
CHƯƠNG TRÌNH ĐÀO TẠO THẠC SĨ NGÂN HÀNG, TÀI CHÍNH,
BẢO HIỂM QUỐC TẾ - KHÓA 13 (2023 – 2025)**

I. THÔNG TIN VỀ CHƯƠNG TRÌNH ĐÀO TẠO

Chuyên ngành đào tạo: Ngân hàng, Tài chính, Bảo hiểm quốc tế

Thời gian đào tạo: 18 tháng (Học ngoài giờ hành chính; 12 tháng hoàn thành các học phần, 6 tháng hoàn thành luận văn tốt nghiệp)

Ngôn ngữ đào tạo: Tiếng Anh

Mô hình đào tạo: Liên kết với Trường ĐH Nantes (CH Pháp). Học toàn phần tại Trường Quốc tế - ĐHQGHN

Văn bằng: Học viên tốt nghiệp được Trường Đại học Nantes cấp bằng Thạc sĩ Luật, Kinh tế, Quản trị, ngành Tiền tệ, Ngân hàng, Tài chính, Bảo hiểm, chuyên ngành Ngân hàng, Tài chính, Bảo hiểm quốc tế

Chỉ tiêu tuyển sinh: 15 học viên/năm

Nội dung đào tạo: Chương trình bao gồm 22 học phần, báo cáo thực tập và luận văn tốt nghiệp (60 tín chỉ)

Khung chương trình:

| Khối kiến thức 1: Tài chính cơ bản | | Khối kiến thức 2: Khuôn khổ kinh tế và pháp luật | |
|---|---|---|---|
| 1 | Phương pháp nghiên cứu khoa học | 6 | Khuôn khổ pháp lý của các hoạt động trong ngân hàng và các tổ chức bảo hiểm |
| 2 | Kinh tế vĩ mô tài chính | 7 | Bảo hiểm |
| 3 | Lí thuyết ngân hàng và chính sách | 8 | Quản trị rủi ro sản phẩm tài chính |
| 4 | Thị trường vốn (Cổ phiếu và lãi suất) | 9 | Tài chính quốc tế |
| 5 | Phân tích tài chính và cấp tín dụng | | |
| Khối kiến thức 3: Khả năng sinh lời và quản lí | | Khối kiến thức 4: Marketing và chiến lược | |
| 10 | Kiểm tra quản lí và kiểm soát | 14 | Chiến lược kinh doanh và triển vọng của ngành tài chính |
| 11 | Quản lí kiểm soát cho ngành ngân hàng và bảo hiểm | 15 | Chiến lược sản phẩm và dịch vụ tài chính |
| 12 | Ký gửi giao dịch tài chính và kiểm toán nội bộ | 16 | Marketing |
| 13 | Các lý thuyết về quản trị và tổ chức | 17 | Marketing ngân hàng |

| | | | |
|---|--|--|-------------------------|
| Khối kiến thức 5: Toán học và Hệ thống thông tin | | Khối kiến thức 6: Giao dịch quốc tế và quản lý rủi ro | |
| 18 | Toán tài chính | 21 | Quản lý rủi ro tín dụng |
| 19 | Thống kê và ra quyết định | 22 | Giao dịch quốc tế |
| 20 | Hệ thống thông tin ngân hàng và bảo hiểm | | |
| Khối kiến thức 7: Luận văn | | Khối kiến thức 8: Thực tập | |
| 23 | Báo cáo thực tập | 24 | Luận văn |

II. LỢI THẾ KHI THEO HỌC CHƯƠNG TRÌNH

- Có cơ hội học tập và nghiên cứu trực tiếp hoàn toàn trong môi trường bằng tiếng Anh với các giảng viên có trình độ cao, thành thạo ngoại ngữ, tiếp cận với chương trình đào tạo, phương pháp giảng dạy, quy trình kiểm tra đánh giá tiên tiến theo chuẩn giáo dục của các trường đại học nước ngoài;

- Giảng viên, chuyên gia nước ngoài có trình độ cao tham gia giảng dạy 30% - 50% thời lượng chương trình đào tạo;

- Nội dung chương trình đào tạo cập nhật, có tính ứng dụng cao;

- Có cơ hội làm việc, giao lưu, học hỏi cùng mạng lưới các học viên, cựu học viên của Trường Quốc tế và học viên quốc tế đến từ các trường đại học đối tác của Trường Quốc tế;

- Tiếp cận nguồn học liệu bằng tiếng nước ngoài phong phú tại Trường Quốc tế (15.281 đầu sách giáo trình và sách tham khảo bản quốc tế, dịch vụ tư vấn và tập huấn kỹ năng học tập, nghiên cứu từ hệ thống Thư viện truy cập mở hiện đại của Trường Quốc tế) và của ĐHQGHN (kho tài liệu in với 125.000 tên tài liệu tương đương 450.000 bản tài liệu; 500 tên ấn phẩm định kỳ; 25.000 tên luận văn, luận án; 2.000 đề tài kết quả nghiên cứu. Kho tài liệu số bao gồm 50.000 tên tài liệu tương đương với 3 triệu trang tài liệu. CSDL trực tuyến: Sciences Direct, Springer, Nature, ACM, IG Publishing, Emerald).

III. ĐIỀU KIỆN XÉT TUYỂN VÀ HỌC PHÍ

3.1. Điều kiện xét tuyển

a. Điều kiện văn bằng và kinh nghiệm công tác

Các ứng viên có bằng cử nhân đạt từ loại Khá trở lên (do các cơ sở giáo dục đại học của Việt Nam cấp), tương đương BAC+4 và đáp ứng yêu cầu kinh nghiệm công tác sau:

- Ứng viên tốt nghiệp ngành đúng hoặc ngành phù hợp (Tài chính - Ngân hàng, Bảo hiểm, Quản lý công, Quản trị nhân lực, Quản lý dự án, Quản trị kinh doanh, Kinh doanh quốc tế, Kinh doanh thương mại, Kế toán, Kiểm toán, Luật, Luật kinh tế, Luật quốc tế, Kinh tế, Kinh tế đầu tư, Kinh tế quốc tế, Thuế) phải có ít nhất 01 năm kinh nghiệm làm việc trong lĩnh vực chuyên môn phù hợp với chương trình đào tạo.

- Ứng viên tốt nghiệp đại học ngành khác với chuyên ngành đăng ký dự tuyển phải có ít nhất 02 năm kinh nghiệm làm việc trong lĩnh vực ngân hàng, tài chính, bảo

hiếm và chứng chỉ/chứng nhận (certificate) tham gia các khóa đào tạo chuyên môn phù hợp với chuyên ngành dự tuyển.

b. Đáp ứng một trong các yêu cầu ngoại ngữ

Có chứng chỉ tiếng Anh tương đương bậc 4/6 trở lên theo Khung năng lực ngoại ngữ 6 bậc dùng cho Việt Nam. Năng lực ngoại ngữ được minh chứng qua một trong các văn bằng, chứng chỉ sau:

- Bằng tốt nghiệp trình độ đại học trở lên ngành ngôn ngữ hoặc ngành sư phạm ngôn ngữ sử dụng trong giảng dạy; hoặc bằng tốt nghiệp trình độ đại học trở lên mà chương trình được thực hiện bằng ngôn ngữ nước ngoài;

- Một trong các chứng chỉ ngoại ngữ đạt trình độ tương đương Bậc 4 trở lên theo Khung năng lực Ngoại ngữ 6 bậc dùng cho Việt Nam hoặc các chứng chỉ ngoại ngữ tương đương khác được ĐHQGHN công nhận (phụ lục 1 và phụ lục 2) trong thời hạn 2 năm tính từ ngày thi chứng chỉ đến ngày đăng ký dự tuyển.

c. Đạt yêu cầu phỏng vấn do Trường Quốc tế và đối tác tổ chức.

Ứng viên chỉ được công nhận trúng tuyển khi được Trường Quốc tế và Trường Đại học Nantes cùng công nhận là đáp ứng các yêu cầu tuyển sinh của chương trình.

Các yêu cầu tuyển sinh có thể được điều chỉnh phù hợp với quy định hiện hành của Đại học Quốc gia Hà Nội, Bộ Giáo dục và Đào tạo và của đối tác.

3.2. Hồ sơ dự tuyển:

- Đơn xin nhập học (theo mẫu);
- Sơ yếu lí lịch;
- Bản sao Bằng tốt nghiệp và bảng điểm đại học;
- Bản dịch công chứng Bằng tốt nghiệp và bảng điểm đại học
- Chứng chỉ tiếng Anh theo yêu cầu;
- Xác nhận kinh nghiệm công tác;
- Giấy khám sức khỏe;
- Bản sao căn cước công dân;
- Bản sao giấy khai sinh;
- Thư giới thiệu (nếu có);
- 04 ảnh 3x4.

4. Hình thức tuyển sinh: Xét tuyển hồ sơ và phỏng vấn.

5. Hạn nộp hồ sơ và lịch phỏng vấn (dự kiến): Tháng 9/2023

6. Nhập học (dự kiến): Tháng 11/2023 (Việc nhập học bổ sung sẽ được tổ chức nếu còn chỉ tiêu).

7. Lệ phí xét tuyển: 800.000 VND (nộp cùng hồ sơ đăng kí dự tuyển và không thu thêm bất kì lệ phí khác).

Thí sinh nộp lệ phí xét tuyển trực tiếp tại Trường Quốc tế hoặc chuyển khoản vào tài khoản của Trường Quốc tế - ĐHQGHN theo thông tin sau:

- Tên tài khoản: **Trường Quốc tế - Đại học Quốc gia Hà Nội**
- Số tài khoản: **0711 000 305888**
- Ngân hàng: **Ngân hàng TMCP Ngoại thương Việt Nam – Chi nhánh Thanh**

Xuân

- Nội dung chuyển tiền ghi rõ: **Họ tên thí sinh, ngày sinh, ngành ứng tuyển**

8. Học phí: 173.040.000 VND/học viên/khóa học (Một trăm bảy mươi ba triệu, không trăm bốn mươi ngàn đồng). Mức học phí này áp dụng cho chương trình đào tạo tối đa 18 tháng;

- Học phí được chia đóng làm 03 đợt;
- Mức học phí không thay đổi trong toàn bộ khóa học nếu học viên học tập theo đúng kế hoạch đào tạo của nhà Trường;
- Học phí đã bao gồm tiền teabreak giữa giờ, giáo trình và tài liệu học tập;
- Học phí không bao gồm kinh phí học bổ sung/chuyển đổi kiến thức, thi lại, học lại, gia hạn, phí bảo vệ lại luận văn... Mức thu các khoản phí này thực hiện theo quy định hiện hành của Trường;
- Học viên nộp học phí bằng tiền Việt Nam Đồng.

9. Thông tin liên hệ:

Văn phòng tuyển sinh Sau đại học, Trường Quốc tế - ĐHQGHN

Nhà G7, 144 Xuân Thủy, Cầu Giấy, Hà Nội.

ĐT: (024) 367 20 999

Hotline : 0866 540 268

Website: <https://www.is.vnu.edu.vn/>

Email: tuyensinhthacsi@vnuis.edu.vn

Nơi nhận:

- ĐHQGHN (để b/c);
- Hiệu trưởng (để b/c);
- Website Trường Quốc tế;
- HĐTS SDH (để thực hiện);
- Lưu: VT, SDH, L5.

**KT. HIỆU TRƯỞNG
PHÓ HIỆU TRƯỞNG**

Trần Anh Hòa

Phụ lục 1

Bảng tham chiếu mức điểm tối thiểu một số chứng chỉ Ngoại ngữ tương đương theo Khung năng lực Ngoại ngữ 6 bậc dùng cho Việt Nam

(Kèm theo Thông báo số /TB-TQT ngày tháng năm 2023 của Trường Quốc tế - ĐHQGHN)

Tiếng Anh

| Khung năng lực ngoại ngữ VN | IELTS | TOEFL | Aptis ESOL | Cambridge Exam | Vietnamese Standardized Test of English Proficiency |
|-----------------------------|-------|--------|------------|---|---|
| Bậc 3 | 4.5 | 42 iBT | B1 | A2 Key: 140 B1 Preliminary: 140 B2 First: 140 B1 Business Preliminary: 140 B2 Business Vantage: 140 | VSTEP.3-5 (4.0) |
| Bậc 4 | 5.5 | 72 iBT | B2 | B1 Preliminary: 160 B2 First: 160 C1 Advanced: 160 B1 Business Preliminary: 160 B2 Business Vantage: 160 C1 Business Higher: 160 | VSTEP.3-5 (6.0) |
| Bậc 5 | 7.0 | 95 iBT | C1 | B2 First: 180 C1 Advanced: 180 C2 Proficiency: 180 B2 Business Vantage: 180 C1 Business Higher: 180 | VSTEP.3-5 (8.5) |

Ghi chú: (*) Các điểm số nêu trên là điểm tối thiểu người học cần đạt được; trường hợp các chứng chỉ ngoại ngữ dùng làm minh chứng để xác định CDR có đủ phần thi cho 4 kỹ năng Nghe – Nói – Đọc – Viết thì người học phải tham dự đủ 4 kỹ năng nói trên. Đại học Quốc gia Hà Nội không công nhận các chứng chỉ ngoại ngữ thi online./.

Phụ lục 2

Danh sách các cơ sở cấp chứng chỉ, chứng nhận ngoại ngữ được công nhận trong tuyển sinh sau đại học của ĐHQGHN

(Kèm theo Thông báo số /TB-TQT ngày tháng năm 2023 của Trường Quốc tế - ĐHQGHN)

1. Chứng chỉ, chứng nhận ngoại ngữ bậc 3, bậc 4

| STT | Cơ sở cấp chứng chỉ, chứng nhận | Chứng chỉ Tiếng Anh |
|-----|---|---------------------|
| 1 | Trường ĐH Ngoại ngữ, ĐHQGHN | √ |
| 2 | Trường ĐH Hà Nội | √ |
| 3 | Trường ĐH Ngoại ngữ, ĐH Huế | √ |
| 4 | Trường ĐH SP TP. Hồ Chí Minh | √ |
| 5 | Trường ĐH Ngoại ngữ, ĐH Đà Nẵng | √ |
| 6 | Trường Đại học Sư phạm Hà Nội | √ |
| 7 | Đại học Bách khoa Hà Nội | √ |
| 8 | Đại học Khoa học Xã hội và Nhân văn – Đại học Quốc gia TP.HCM | √ |
| 9 | Đại học Thái Nguyên | √ |
| 10 | Trường ĐH Cần Thơ | √ |
| 11 | Trường Đại học Nam Cần Thơ | √ |
| 12 | Trường ĐH Vinh | √ |
| 13 | Học viện An ninh nhân dân | √ |
| 14 | Học viện Báo chí và Tuyên truyền | √ |
| 15 | Trường Đại học Thương mại | √ |
| 16 | Trường Đại học Ngoại thương | √ |
| 17 | Học viện Khoa học quân sự | √ |
| 18 | Học viện Cảnh sát nhân dân | √ |
| 19 | Trường Đại học Quy Nhơn | √ |
| 20 | Trường Đại Học Tây Nguyên | √ |
| 21 | Trường Đại học Sài Gòn | √ |
| 22 | Trường Đại học Văn Lang | √ |
| 23 | Trường Đại học Trà Vinh | √ |
| 24 | Trường Đại học Ngân hàng TP.HCM | √ |
| 25 | Trường Đại Học Công nghiệp TP.HCM | √ |
| 26 | Trường Đại học Công nghiệp thực phẩm TP.HCM | √ |
| 27 | Trường Đại học Kinh tế Tài chính TP.HCM | √ |

Ghi chú: (*) Mẫu chứng chỉ theo quy định của Bộ Giáo dục và Đào tạo tại Thông báo số 691/TB-QLCL ngày 08 tháng 5 năm 2020.

2. Các chứng chỉ tiếng Anh quốc tế

| STT | Cơ sở cấp chứng chỉ | Các chứng chỉ được công nhận | | | |
|-----|--|------------------------------|-------|----------------|------------|
| | | IELTS | TOEFL | Cambridge Exam | Aptis ESOL |
| 1 | Educational Testing Service (ETS) | | √ | | |
| 2 | British Council (BC) | √ | | | |
| 3 | International Development Program (IDP) | √ | | | |
| 4 | Cambridge ESOL | √ | | √ | |
| 5 | Aptis ESOL International Certificate (được cấp từ ngày 16 tháng 11 năm 2022 bởi các công ty hoặc tổ chức do Bộ Giáo dục và Đào tạo cấp phép tại Quyết định số 3646/QĐ-BGDĐT) | | | | √ |